

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 80/2018/HS-PT

Ngày 07-3-2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Tùng.

2. Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 26/2018/TLPT-HS ngày 08/01/2018 đối với bị cáo Y Tr Êban về tội “*Cướp giật tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2017/HS-ST ngày 29/11/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Y Tr Êban** (Tên khác Y K Êban), sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn BM, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở trước khi phạm tội: Buôn C, xã HX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Ê đê; tôn giáo: Tin lành; con ông YN Am Byă (đã chết) và bà HM Êban; có vợ HU ÊYa và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến nay, hiện đang tạm giam (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, còn có 01 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Họ và tên: **Y Th Byă** (tên gọi khác Y H); sinh năm 1997, tại Đắk Lắk; **NĐKHKT** và chỗ ở: Buôn C, xã HX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm

nông; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Ê đê; con ông YB H'Đót và bà HN Byă; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến nay, hiện đang tạm giam (vắng mặt tại phiên tòa).

- **Người bị hại:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1981; trú tại: Hẻm A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông YU Byă; trú tại: Buôn C, xã HX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
2. Bà HM Êban; trú tại: Buôn C, xã HX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
3. Ông YT Hdok; trú tại: Buôn M, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
4. Ông YU Niê; trú tại: Buôn M, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
5. Ông YN Byă; trú tại: Buôn M, xã HP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
6. Ông Nguyễn Mạnh C; trú tại: Đường M, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 07/12/2016, sau khi dự đám tang của người quen tại buôn H, xã HX, thành phố B, Y U Byă xin đi nhờ xe do Y Tr Êban điều khiển (Xe mô tô không gắn biển số, kiểu dáng xe Max, không còn thân vỏ), còn Y Th Byă một mình điều khiển xe Dream, màu hồng, biển số 47H2- 9204, cả 03 cùng đi về buôn C, xã HX, thành phố Buôn Ma Thuột. Khi đi đến gốc cây đa thuộc buôn C, xã HX, thành phố B thì xe của Y Th phát ra tiếng nổ lụp bụp có biểu hiện gần hết xăng nên Y Th dừng xe. Y Tr đang điều khiển xe chở Y U (Chạy phía trước cách xe của Y Th khoảng 3m) cũng dừng xe lại và nói với Y Th và Y U: “Đợi có xe nào đi qua thì chặn lại xin tiền đổ xăng”, thì Y Th đồng ý và nói: “Ừ”, còn Y U không nói gì. Sau đó, Y Tr xuống xe, đi lại đứng bên cạnh Y Th cùng đợi người qua đường, còn Y U vẫn ngồi trên xe của Y Tr không tham gia và cũng không nhìn thấy Y Tr và Y Th làm gì. Khoảng 03 phút sau, có 01 xe mô tô chạy đến nhưng do xe này chạy nhanh nên Y Tr và Y Th không chặn được và tiếp tục chờ. Khoảng 05 phút sau, có bà Lê Thị H một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha AirBlade màu đen, lưu thông cùng chiều với xe của Y Tr, Y Th. Lúc này, Y Tr và Y Th đang dừng xe, Y Tr bước ra giữa đường giơ tay vẫy, ra hiệu dừng xe. Một mình và đoạn đường vắng,

thấy có ba thanh niên phía trước nên bà H liền dừng xe lại ngay chỗ Y Th và Y Tr đang đứng. Lúc này, Y Tr đứng chặn trước đầu xe, còn Y Th đứng bên hông xe của bà H và gần bên cạnh Y Tr, rồi Y Tr nói: “*Chị ơi cho tui em xin ít tiền đồ xăng*”. Do sợ bị đánh nên bà H dựng xe, mở cốp và lấy ví da ra cầm trên tay, định lấy tiền ra đưa thì Y Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền của bà H. Y Tr dùng tay giật ví da rồi lấy toàn bộ số tiền 4.500.000 đồng có trong ví (bao gồm 09 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) của bà H bỏ vào túi quần, bà H nói “ Trong bóp Chị chỉ có ít tiền và giấy tờ, cho Chị xin lại giấy tờ” sau đó Y Tr vứt ví của bà H xuống đất. Y Th biết rõ và đồng ý với việc Y Tr lấy tiền của bà H vì nghĩ rằng sẽ được Y Tr chia tiền lấy được, còn Y U thì vẫn ngồi trên xe của Y Tr cách đó khoảng 3m, mắt hướng về phía trước đầu xe, ngược hướng với vị trí của bà H, Y Tr và Y Th nên không thấy và không biết việc Y Tr lấy tiền của bà H. Sau đó, Y Tr đi lại lấy xe chở Y U, còn Y Th đạp xe nổ và đi về buôn C, cả hai đều không nói cho Y U biết việc chiếm đoạt tiền. Khi gần đến quán Internet tên AmaSuka tại buôn C, xã HX, thành phố B, xe của Y Th hết xăng nên Y Th dắt xe vào quán Internet rồi cùng với Y Tr, Y U vào chơi trò chơi điện tử. Y Tr và Y Th sử dụng tiền đã nạp vào tài khoản trước đó để chơi, còn Y U không có tiền nên chỉ đứng xem. Chơi được khoảng 15 phút, Y Tr rủ Y Th và Y U đến ngã ba DH thuộc phường KX, thành phố B để ăn tối và uống rượu. Sau đó, Y Th ra khỏi quán Internet, đẩy xe đi một đoạn để đồ xăng và cả ba đi đến khu vực chợ DH thì gặp ông K1 và ông T, đều trú tại Thôn N, xã HX, thành phố B (Là bạn của bà Lê Thị H, do bà H báo về việc bị nhóm của Y Tr chiếm đoạt tiền nên ông K1 và ông T cùng nhau đi tìm nhóm của Y Tr để lấy lại tiền cho bà H). Lúc này, ông K1 và ông T chặn xe của Y Tr và Y U lại hỏi về sự việc chiếm đoạt tiền của bà H. Biết sự việc cướp tiền đã bị phát hiện nên Y Tr đã bỏ xe chạy bộ vào chợ DH trốn, Y Th điều khiển xe nhanh chóng chạy thoát, còn Y U và xe mô tô của Y Tr bị ông K1 và ông T giữ lại giao cho Công an phường KX giải quyết, sau đó chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột thu giữ tang vật gồm: 01 ví da màu nâu, loại ví nữ, kích thước 10cm x 20cm; 01 xe mô tô, nhãn hiệu SINO-HONGDA, kiểu dáng Dream, màu hồng cam, biển số 47H2-9204, không còn dán áo bên ngoài, số máy: HD1P50FHG3Y0193788, số khung: LI3X0H301YAA11577; 01 xe mô tô, không rõ nhãn hiệu, màu sơn đen, không

có đàn áo bên ngoài, không gắn biển số, số máy: VUMYG139FMBXD006356, số khung: RKGKCB1VH91006356.

Y Tr Êban, Y Th Byă đã tác động gia đình bồi thường cho bà Lê Thị H số tiền 4.500.000 đồng. Bà H đã nhận lại số tiền trên và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Y Tr Êban và Y Th Byă.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 307/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Y Tr Êban phạm tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 133; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Y Tr Êban **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; Y Th Byă 03 (ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù đều tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/5/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2017, bị cáo Y Tr Êban có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên xử bị cáo Y Tr Êban về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đủ, đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai và lời nhận tội của bị cáo Y Tr Êban tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: Tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999 phải có các dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt khác quan quy định “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản”. Cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo lợi dụng đêm khuya, đường vắng người qua lại, làm cho chị H lâm vào tình trạng không thể chống cự được rồi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo để xác định các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”. Xét thấy: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa các bị cáo, người bị hại đều thừa nhận Y Tr là người vẩy chặn xe, sau khi chị H dừng xe thì Y Tr nói “*Chị ơi cho tui em xin ít tiền đồ xăng*”, vì sợ chị H cho ít tiền bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền trong ví nên bị cáo Y Tr công Khai, ngay lập tức có hành vi giật lấy ví tiền của chị H rồi chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo không có hành vi dùng vũ lực, không có bất cứ lời nói, hành động, cử chỉ nào đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc và cũng không có bất cứ hành vi nào khác làm cho chị H lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Đêm khuya, đường vắng người qua lại là điều kiện tự nhiên, khách quan không phải là hành vi của các bị cáo gây ra. Do đó, các bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản”. HĐXX, thấy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 BLHS năm 1999. Bởi lẽ, đêm ngày 07/12/2016, do xe của bị cáo Y Th có dấu hiệu hết xăng nên bị cáo Y Tr dừng xe lại và rủ Y Th cùng chặn xe của người đi đường xin tiền đồ xăng và được Y Th đồng ý. Y Tr đã có hành vi vẩy chặn xe mô tô của chị H và nói “*Chị ơi cho tui em xin ít tiền đồ xăng*”, khi chị H mở cốp xe cầm ví tiền trên tay đang mở ví lấy tiền để cho, thì Y Tr ngay lập tức giật lấy ví tiền và chiếm đoạt 4.500.000đ. Hành vi công khai, ngay tức khắc giật ví tiền trên tay của chị H rồi chiếm đoạt 4.500.000đ làm cho chị H bị bất ngờ nên không có khả năng giữ được tài sản. Sau khi chiếm đoạt tài sản do điều kiện hoàn cảnh là đêm tối, đoạn đường vắng người qua lại, người bị chiếm đoạt tài sản là phụ nữ nên các bị cáo đủ bình tĩnh, tự tin sẽ không bị bắt giữ nên không cần thiết phải nhanh chóng tẩu thoát. Hơn nữa, hành vi nhanh chóng tẩu thoát, chạy trốn là một đặc trưng của tội “Cướp giật tài sản” chứ không phải dấu hiệu bắt buộc. Như vậy, đủ cơ sở kết luận, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 136

BLHS năm 1999. Vì vậy, HĐXX thấy cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 357 BLHS năm 2015, sửa bản án sơ thẩm và áp dụng điều về tội nhẹ hơn cho các bị cáo.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y Tr Ê Ban, HĐXX xét thấy mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Y Tr Êban là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 136 BLHS có khung hình phạt từ một năm đến năm năm nhưng bản án sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS có khung hình phạt từ ba năm đến mười năm tù. Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả, được người bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c khoản 1 Điều 357 BLTTHS. Cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án bị cáo *Y Th Byă* mặc dù không Kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị. Nhưng, xét thấy hành vi của bị cáo *Y Th* là đồng phạm với bị cáo *Y Tr* về tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại 1 Điều 136 BLHS, không phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 BLHS. Do đó, xét mức hình phạt ba năm tù của bản án sơ thẩm là có phần nghiêm khắc so với mức độ, hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra nên cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c khoản 1, 3 Điều 357 BLTTHS. Cần sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Y Tr Êban không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c khoản 1, 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y Tr Êban – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 307/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Y Tr Êban và Y Th Byă.

Căn cứ khoản 1 Điều 136; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Các bị cáo Y Tr Êban và Y Th Byă phạm tội “Cướp giật tài sản”. Không phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Y Tr Êban 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, bị cáo Y Th Byă 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối các bị cáo đều tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 25/5/2017.

[2] Về án phí: Bị cáo Y Tr Êban không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng QCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thanh Huyền

